

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
BỆNH VIỆN ĐKKV CAI LẬY

Số: 1396 /BVĐKCL-VTTBYT
V/v mời chào giá Thiết bị y tế.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cai Lậy, ngày 09 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Quý Nhà cung cấp

Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy có nhu cầu tiếp nhận hồ sơ chào giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm “Mua sắm Thiết bị y tế”. Bệnh viện kính mời các Nhà cung cấp có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp thiết bị y tế theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán mua sắm: Mua sắm Thiết bị y tế.
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo Danh mục hàng hóa mời chào giá đính kèm.
3. Thời gian dự kiến thực hiện gói thầu: 150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Thời gian dự kiến cung cấp hàng hóa: ≤ 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng Trọn gói.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy; Địa chỉ: Số 398, đường Quốc lộ 1, Khu phố 1A, Phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: **Tối thiểu 120 ngày** kể từ ngày chào giá.
7. Yêu cầu về giá chào: Đơn giá đã bao gồm: thuế GTGT, các loại thuế khác, phí, lệ phí; chi phí lắp đặt, chạy thử, đào tạo, hướng dẫn sử dụng, vận chuyển đến địa điểm lắp đặt; chi phí kiểm định, bảo hiểm, bảo hành, bảo trì trong thời gian bảo hành và các chi phí khác có liên quan (nếu có).
8. Thời gian tiếp nhận hồ sơ chào giá: Quý Nhà cung cấp quan tâm gửi hồ sơ chào giá **trong thời hạn 10 ngày** kể từ ngày Bệnh viện đăng tải Công văn mời chào giá (Yêu cầu báo giá) trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Các hồ sơ chào giá nhận được sau thời hạn nêu trên sẽ không được xem xét.
9. Quy định về cách thức tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện (trong giờ hành chính) tại địa chỉ: Phòng Vật tư thiết bị y tế - Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy; Địa chỉ: Số 398, đường Quốc lộ 1, Khu phố 1A, Phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp;
 - Thông tin người liên hệ tiếp nhận hồ sơ chào giá: Ông Nguyễn Thanh Long, số điện thoại: 02733 829 008.

(Đề nghị Quý Nhà cung cấp dán kính, niêm phong hồ sơ chào giá và bên ngoài ghi rõ nội dung “Hồ sơ chào giá dự toán mua sắm: Mua sắm Thiết bị y tế”).

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp bao gồm các tài liệu sau đây:

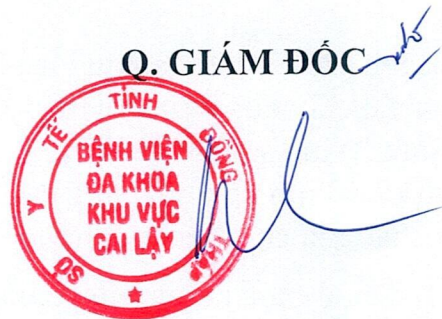
+ Bảng chào giá của Nhà cung cấp (theo mẫu được đính kèm, có ký tên, đóng dấu);

+ Tài liệu kỹ thuật/catalogue (hướng dẫn sử dụng, thông số kỹ thuật) của hàng hóa chào giá.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng CNTT (để đăng tin trên website bvdkkvcailay.vn);
- Lưu: VT, VTTBYT.



Lê Văn Đĩnh

MẪU BẢNG CHÀO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 1396/BVĐKCL-VTTBYT ngày 09/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy)

Công ty: ...

Địa chỉ: ...

Mã số thuế: ...

Số điện thoại liên hệ: ...

Email: ...

BẢNG CHÀO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy

Theo Công văn mời chào giá số ___/BVĐKCL-VTTBYT ngày ___/7/2026 của Bệnh viện. Công ty chúng tôi chào giá mặt hàng thiết bị y tế như sau:

Stt	Danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Ký mã hiệu (nếu có)	Nhãn hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lưu hành	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Mã HS (nếu có)
1	Máy gây mê										
2	Bàn mổ										
3	Đèn mổ treo trần										
4	Máy phun khử khuẩn										
5	Máy siêu âm tổng quát										

- Bảng chào giá này có hiệu lực **120 ngày** kể từ ngày chào giá.

- Đơn giá đã bao gồm: thuế GTGT, các loại thuế khác, phí, lệ phí; chi phí lắp đặt, chạy thử, đào tạo, hướng dẫn sử dụng, vận chuyển đến địa điểm lắp đặt; chi phí kiểm định, bảo hiểm, bảo hành, bảo trì trong thời gian bảo hành và các chi phí khác có liên quan (nếu có).

- Chúng tôi cam kết:

+ Có tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 5 của Luật Đấu thầu.

+ Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của chúng tôi và bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

+ Những thông tin nêu trong hồ sơ chào giá là trung thực./.

....., ngày tháng năm

Đại diện của nhà cung cấp

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 1396/BVĐKCL-VTTBYT ngày 09/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy)

Stt	Danh mục mời chào giá	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy gây mê	<p>1. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2026 trở về sau - Hàng mới 100% - Xuất xứ: Các nước G7 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Nguồn điện cung cấp: 220V ($\pm 10\%$) ~ 50Hz - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: $\geq 40^\circ\text{C}$ + Độ ẩm tối đa: $\geq 95\%$ (không ngưng tụ) <p>2. Cấu hình cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính kèm phụ kiện tích hợp: 01 máy - Bộ dây nguồn khí: ≥ 01 bộ (01 bộ gồm có: 01 dây khí nén, 01 dây oxy) - Bộ trộn khí cho O₂ và air: 01 bộ - Van thở vào - Van thở ra - Cảm biến lưu lượng sử dụng nhiều lần: ≥ 02 cái - Bộ hấp thụ CO₂ kèm bình vô soda sử dụng nhiều lần: ≥ 01 bộ - Bình bốc hơi: ≥ 01 bình (sử dụng cho loại thuốc mê Sevoflurane) - Khối đo và theo dõi khí mê và CO₂: ≥ 01 bộ - Bộ thải khí mê: ≥ 01 bộ - Mặt nạ người lớn sử dụng nhiều lần: ≥ 01 cái - Dây gây mê người lớn, sử dụng nhiều lần: ≥ 01 cái - Bóng bóp người lớn: ≥ 01 cái - Pin ≥ 01 bộ - Phổi giả ≥ 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh (nếu có) và Tiếng Việt. <p>3. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được cho bệnh nhân người lớn, trẻ em và sơ sinh - Máy có chức năng gây mê dòng thấp - Màn hình cảm ứng kích thước ≥ 15 inch, Độ phân giải $\geq 1024 \times 768$ pixel - Màn hình xoay độc lập với máy chính để điều chỉnh góc quan sát - Màn hình hiển thị đồng thời được ≥ 03 đồ thị dạng sóng - Có van giới hạn áp lực điều chỉnh áp lực từ ≤ 1 tới ≥ 60 cmH₂O - Tổng thể tích hệ thống thở, bao gồm cả bình hấp thụ CO₂ và bóng bóp ở chế độ thở máy ≤ 3.1 lít - Tổng thể tích hệ thống thở, bao gồm cả bình hấp thụ CO₂ và bóng bóp ở chế độ bóng bóp ≤ 1.6 lít - Có khe cắm cho phép người dùng tự tháo lắp và chuyển đổi khối đo khí mê - Lưu lượng khí được hiển thị trên màn hình chính: + Dải lưu lượng khí sạch/khí tươi của Oxy điều chỉnh từ ≤ 100 mL/phút đến ≥ 15 L/phút + Dải lưu lượng khí sạch/khí tươi của khí nén (Air) điều chỉnh từ ≤ 100 mL/phút đến ≥ 15 L/phút 	Cái	02

Stt	Danh mục mời chào giá	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Phải đo được thông số áp lực đẩy (P_{drive}) và hiển thị trên máy - Cảm biến lưu lượng công nghệ chênh áp hấp tiết trùng được - Bình hấp thụ CO_2 sử dụng nhiều lần, có sức chứa 1.400 ml ($\pm 20\%$) - Cổng thải khí mê thừa AGSS cắm được vào hệ thống thải khí trung tâm của Bệnh viện - Lắp đồng thời được ≥ 02 bình bốc hơi. - Tổng dung tích thuốc mê chứa trong bình bốc hơi $\geq 300ml$ - Có chức năng kiểm tra rò rỉ khí của bình bốc hơi - Hệ thống cung cấp khí Oxy phụ trợ có dải điều chỉnh từ 0 tới ≥ 8 L/phút. - Có hệ thống thoát khí phụ trợ tích hợp (ACGO) - Có Pin dự phòng dùng được ≥ 90 phút. - Xe đẩy chuyên dụng phù hợp với hãng sản xuất máy - Khối đo khí mê và $EtCO_2$ (tháo lắp rời được bằng tay và kết nối được với máy monitor tương thích) + Đo được các loại khí mê, CO_2 ($EtCO_2$, $FiCO_2$); O_2 (EtO_2, FiO_2); N_2O. - Khí CO_2: <ul style="list-style-type: none"> + Theo dõi $EtCO_2$ và $FiCO_2$ + Dạng sóng CO_2 + Dải đo: từ 0 tới $\geq 10\%$ + Loại cảm biến: cảm biến hồng ngoại + Thay đổi được cảnh báo cao/thấp $EtCO_2$ và $FiCO_2$ - Khí O_2: <ul style="list-style-type: none"> + Cảm biến đo nồng độ O_2 sử dụng công nghệ thuận từ + Theo dõi nồng độ EtO_2 + Nồng độ FiO_2 + Hiệu số FiO_2-EtO_2 + Dải đo: từ 0 tới $\geq 100\%$ + Điều chỉnh được giới hạn cảnh báo cao-thấp EtO_2 và FiO_2 - Thuốc mê (AA): <ul style="list-style-type: none"> + Dải đo Halothane, Isoflurane, Enflurane từ 0 tới $\geq 5\%$ + Dải đo Sevoflurane từ 0 tới $\geq 5\%$ + Dải đo Desflurane từ 0 tới $\geq 20\%$ + Hiển thị được dạng sóng của khí mê + Hiển thị được thông số MAC + Phát hiện được hỗn hợp khí + Điều chỉnh được giới hạn cảnh báo cao-thấp $EtAA$ và $FiAA$ + Ngưỡng xác định: $\leq 0,15$ vol% - Yêu cầu về chức năng cài đặt: <ul style="list-style-type: none"> + Cấp O_2 nhanh từ ≤ 30 tới ≥ 70 L/phút + Dải lưu lượng bù từ ≤ 100 mL/phút tới ≥ 15 L/phút. + Dải hoạt động của van dòng chảy từ ≤ 1 tới ≥ 120 L/phút. + Có khả năng bù tự động thất thoát do nén tạo ra bởi bình hấp thụ CO_2 và bóng xếp. + Có chế độ kiểm soát bằng tay (Manual) + Có chế độ kiểm soát thể tích (VCV) có tính năng bù thể tích khí lưu thông + Có chế độ kiểm soát áp lực (PCV) + Có chế độ kiểm soát áp lực, đảm bảo thể tích (PCV-VG) + Có chế độ thở cưỡng bức ngắt quãng đồng bộ SIMV kiểm soát thể tích (SIMV VC) + Có chế độ thở cưỡng bức ngắt quãng đồng bộ SIMV kiểm soát áp lực (SIMV PC) 		

Stt	Danh mục mời chào giá	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> + Có chế độ thở hỗ trợ áp lực PSV với dự phòng ngừng thở + Thể tích khí lưu thông Vt: ≤ 5 tới ≥ 1500 mL + Dải thông khí phút: ≤ 0.1 tới ≥ 99 L/phút + Dải áp lực hít vào từ ≤ 5 tới ≥ 50 cmH₂O + Dải giới hạn áp lực từ ≤ 15 tới ≥ 100 cmH₂O + PEEP: Tất, từ ≤ 5 tới ≥ 30 cmH₂O + Dải áp lực hỗ trợ: Tất, từ ≤ 5 tới ≥ 40 cmH₂O + Tần số thở từ ≤ 5 đến ≥ 100 nhịp/phút đối với chế độ kiểm soát thể tích và kiểm soát áp lực + Tần số thở từ ≤ 2 tới ≥ 60 nhịp/phút đối với chế độ SIMV, PSV + Tỷ lệ I:E từ $\leq 1:8$ tới $\geq 2:1$ + Thời gian hít vào từ ≤ 0.2 tới ≥ 5 giây + Độ nhạy trigger dòng từ ≤ 0.2 tới ≥ 10 L/phút + Ngưỡng ngắt kỳ thở vào từ ≤ 5 tới $\geq 75\%$ + Thời gian ngưng kỳ thở vào từ ≤ 5 tới $\geq 50\%$ - Yêu cầu về các thông số theo dõi: <ul style="list-style-type: none"> + Thông khí phút từ ≤ 0.1 tới ≥ 99 L/phút + Thể tích khí lưu thông từ ≤ 1 tới ≥ 9000 ml + Theo dõi nồng độ % Oxy từ ≤ 5 tới $\geq 100\%$ + Áp lực từ ≤ -20 tới ≥ 100 cmH₂O - Yêu cầu về chức năng cảnh báo an toàn: <ul style="list-style-type: none"> + Thể tích thông khí thấp và cao + Thông khí phút (VE) thấp và cao + Báo động ngừng thở + Áp lực thấp và cao + Nồng độ % FiO₂ thấp và cao <p>4. Các yêu cầu khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu thiết bị, bảo trì định kỳ trong thời gian bảo hành. Có ít nhất 01 nhân viên kỹ thuật được đào tạo chính hãng sản xuất máy. - Khi bàn giao thiết bị phải được kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật là ĐẠT theo đúng quy định của Bộ Y tế. - Lắp đặt, chạy thử tại cơ sở sử dụng máy - Cam kết hướng dẫn sử dụng, vận hành thiết bị đến khi thành thạo. 		
2	Bàn mổ	<p>1. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2026 trở về sau - Hàng mới 100% - Xuất xứ: Các nước G7 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Nguồn điện cung cấp: 220V ($\pm 10\%$) ~ 50Hz <p>2. Cấu hình cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân bàn chính bao gồm cột trụ bàn, mặt bàn: ≥ 01 bộ - Bộ điều khiển cầm tay: ≥ 01 bộ - Bộ nệm chính hãng: ≥ 01 bộ - Bộ đỡ lưng: ≥ 01 bộ - Bộ đỡ đầu: ≥ 01 bộ - Tấm đỡ tay kèm nệm (02 cái/bộ): ≥ 01 bộ - Bộ đỡ chân, có thể tách rời (02 cái/bộ): ≥ 01 bộ - Khung màn che gây mê: ≥ 01 bộ - Đai cố định bệnh nhân: ≥ 01 bộ - Bộ đỡ tay tư thế nằm nghiêng: ≥ 01 bộ - Bộ đỡ thân tư thế nằm nghiêng (02 cái/bộ): ≥ 01 bộ 	Cái	02

Stt	Danh mục mời chào giá	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Bộ đỡ gối kèm nệm dùng cho mổ sản khoa (02 cái/bộ): ≥ 01 bộ - Ấc quy tích hợp sẵn trong đế bàn: ≥ 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh (nếu có) + tiếng Việt : ≥ 01 bộ <p>3. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều khiển được các chuyển động: lên xuống nâng hạ bàn, nghiêng bàn trái/phải, nghiêng Trendelenburg thuận/đảo, nâng hạ tấm đỡ lưng. - Hệ thống điều khiển bàn được tích hợp bằng Thủ công (bằng cơ) và bằng Điện - Chân đế có bánh xe trong đó có bánh xe cố định bàn - Bàn chịu được tải trọng tổng cộng tối đa ≥ 240 kg - Có khóa cố định bàn xuống sàn - Bộ điều khiển cầm tay điều khiển được các chức năng: <ul style="list-style-type: none"> + Chuyển động lên, xuống, nâng, hạ bàn + Nghiêng Trendelenburg thuận và đảo + Nghiêng mặt bàn sang hai bên + Điều khiển nâng/hạ phần lưng + Điều khiển vị trí V-Jack và Jack-Knife(V-Jack đảo) - Kích thước mặt bàn: 500 mm x 2000 mm ($\pm 20\%$) - Thay đổi chiều cao từ 680 mm đến 1020 mm ($\pm 20\%$) - Góc Trendelenburg thuận/đảo: $25^\circ/25^\circ(\pm 10\%)$ - Góc nghiêng bàn sang 2 bên: $\pm 25^\circ(\pm 10\%)$ - Góc gập lên/xuống của phần đỡ lưng: $+ 60^\circ/- 40^\circ(\pm 10\%)$ - Góc gập lên/xuống của phần đỡ đầu: $+ 45^\circ/- 90^\circ(\pm 10\%)$ - Góc gập lên/xuống của phần đỡ chân: $+ 18^\circ/- 90^\circ(\pm 10\%)$ - Góc mở của tấm đỡ chân: $110^\circ (\pm 10\%)$ <p>4. Các yêu cầu khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn bảo hành: ≥ 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu thiết bị. 		
3	Đèn mổ treo trần	<p>1. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2026 trở về sau - Hàng mới 100% - Xuất xứ: Các nước G7 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Nguồn điện cung cấp: 220V ($\pm 10\%$) ~ 50Hz <p>2. Cấu hình cung cấp:</p> <p>Đèn mổ treo trần 02 nhánh đèn bóng LED kèm phụ kiện bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ gia cố treo trần: 01 bộ - Hệ thống cánh tay treo trần gắn đèn: 02 cái - Đèn LED cường độ sáng ≥ 160.000 Lux: 02 đầu - Tay nắm tiết trùng cho đầu đèn: 04 cái - Thân đèn (trụ đèn): 01 cái - Bộ nguồn cấp cho 02 đầu đèn: 01 bộ - Bộ điều khiển trên đầu đèn: 02 bộ <p>3. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu chóa đèn làm bằng nhựa - Sử dụng bóng đèn LED - Tay cầm trên đầu đèn có chức năng tháo rời và hấp tiết trùng - Có bảng điều khiển gắn trên đầu đèn loại nút bấm với các chức năng: <ul style="list-style-type: none"> + Dùng để bật/tắt đèn, có chế độ phẫu thuật nội soi + Điều chỉnh cường độ sáng 	Cái	02

Stt	Danh mục mời chào giá	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> + Điều chỉnh nhiệt độ màu + Điều chỉnh kích thước trường sáng - Hạn chế tối đa độ nhiễu loạn luồng khí và độ tăng nhiệt. - Không phát ra tia UV - Đèn được thiết kế dễ dàng làm sạch, đầu đèn kín, có lớp phủ chống khuẩn. Thông số kỹ thuật cho mỗi nhánh: - Đầu đèn nhánh 1: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính đầu đèn: 630 mm ($\pm 20\%$) + Cường độ sáng tại khoảng cách 1m: Tối đa ≥ 160.000 Lux + Cường độ sáng có dải phạm vi điều chỉnh được trong khoảng từ 8.000 đến 160.000 Lux (5-100%) + Đường kính trường sáng D10 tại khoảng cách 1m: 220 - 426 mm ($\pm 10\%$) + Đường kính trường sáng D50 tại khoảng cách 1m: 128- 212 mm ($\pm 10\%$) + Nhiệt độ màu có phạm vi điều chỉnh trong khoảng từ 3.100°K - 5.000°K + Tuổi thọ bóng LED: ≥ 60.000 giờ + Độ sâu trường sáng: ở mức 60% là ≥ 620mm; ở mức 20% là ≥ 1100mm + Có chế độ nội soi + Điện năng tiêu thụ: ≤ 60 W - Đầu đèn nhánh 2: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính đầu đèn: 480 mm ($\pm 10\%$) + Cường độ sáng tối đa: ≥ 160.000 Lux + Tuổi thọ bóng LED: ≥ 60.000 giờ. + Đường kính trường sáng D10 khoảng cách 1m: từ 164 - 294mm ($\pm 10\%$) + Đường kính trường sáng D50 khoảng cách 1m: từ 83 - 122mm ($\pm 10\%$) + Nhiệt độ màu (5 mức điều chỉnh): Từ 3.100°K - 5.000°K + Điện năng tiêu thụ: ≤ 25 W Hệ thống cánh tay: <ul style="list-style-type: none"> - Các cánh tay có khớp nối với khả năng xoay 360° - Góc nâng/hạ cánh tay: $-70^\circ/+45^\circ$ 4. Yêu cầu khác: <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu 		
4	Máy phun khử khuẩn	<ul style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu chung: <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2026 trở về sau - Xuất xứ máy chính: Các nước G7 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Hàng mới 100% - Điện áp sử dụng: 220V ($\pm 10\%$), ~ 50Hz. 2. Cấu hình cung cấp: <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Bình chứa dịch: 01 cái - Hóa chất phun: ≥ 10 bình - Xe đẩy: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng tiếng Việt + tiếng Anh (nếu có): 01 bộ 3. Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng công nghệ chuyển hóa dung dịch khử khuẩn thành dạng sương khô. 	Cái	01

Stt	Danh mục mời chào giá	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất $\geq 90\%$ hạt sương có đường kính $\leq 5\mu$ phân bố đồng nhất trong phòng, bão hòa trong không khí và bao phủ mọi bề mặt. - Có chức năng chờ: thời gian chờ kích hoạt để người sử dụng ra khỏi phòng. - Có chức năng tự động tắt máy khi hoàn thành chương trình phun. - Có chức năng giám sát lượng dung dịch trong bình và có cảnh báo hết dung dịch. - Mức tiêu hao dung dịch khử khuẩn: $\leq 0.5 \text{ ml/m}^3$ - Khả năng khử khuẩn lên đến $\geq 2.000 \text{ m}^3$ chỉ với thời gian ≤ 45 phút. - Tích hợp cổng USB truy xuất dữ liệu, cho phép in và báo cáo kết quả phun khử khuẩn. - Công suất tiêu thụ của hệ thống: $\leq 1\text{kW/h}$. - Tốc độ phun sương: $\geq 80 \text{ m/giây}$. - Kích thước hạt sương: $\leq 5\mu$ - Lưu lượng phun trung bình: $\geq 2.000\text{ml/ giờ}$. - Thể tích khuếch tán tối đa: $\geq 2.000\text{m}^3$. - Mức sử dụng dung dịch tối đa: $\geq 22\text{ml/phút}$. - Tùy chỉnh nồng độ phun: ≥ 06 mức - Thể tích không gian khử khuẩn: $\geq 100 \text{ m}^3$ <p>4. Yêu cầu khác: Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu thiết bị.</p>		
5	Máy siêu âm tổng quát	<p>1. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân máy chính và đầu dò sản xuất năm 2026 trở về sau - Hàng mới 100% - Xuất xứ: Xuất xứ máy chính và các đầu dò: Nhóm các nước G7 - Môi trường làm việc: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ tối đa tới $\geq 30^\circ\text{C}$ + Độ ẩm tối đa tới $\geq 80\%$ (không ngưng tụ) - Máy chính đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Nguồn điện: Phù hợp nguồn điện ở Việt Nam <p>2. Cấu hình cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 máy - Thiết kế máy để trên xe có bánh xe, có khoá, có tay cầm đẩy máy. - Đầu dò Convex đa tần: ≥ 01 cái - Đầu dò Linear đa tần: ≥ 01 cái - Đầu dò tim đa tần: ≥ 01 cái - Phần mềm siêu âm đàn hồi mô định lượng đa điểm hỗ trợ đầu dò Convex, Linear: ≥ 01 bộ - Phần mềm siêu âm đàn hồi mô kèm phần mềm phân tích định lượng hỗ trợ đầu dò Convex, Linear: ≥ 01 bộ - Phần mềm siêu âm tim Doppler liên tục: ≥ 01 bộ - Phần mềm siêu âm tim Doppler mô cơ tim: ≥ 01 bộ - Phần mềm siêu âm M-mode và B-mode: ≥ 01 bộ - Máy in nhiệt trắng đen: ≥ 01 cái - Giấy in nhiệt: ≥ 20 cuộn/xấp - Máy in màu khổ A4: ≥ 01 cái - Bộ máy tính: ≥ 01 bộ - Bộ lưu điện $\geq 2\text{kVA}$: ≥ 01 bộ - Hướng dẫn sử dụng tiếng Việt, tiếng Anh (nếu có): ≥ 01 bộ <p>3. Yêu cầu về kỹ thuật:</p>	Cái	01

Stt	Danh mục mời chào giá	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Máy siêu âm Doppler màu dùng cho thăm khám Ổ bụng, tim mạch, sản khoa, phụ khoa, niệu khoa, nhi khoa, sơ sinh, các phần nông nhỏ, cơ xương khớp, độ đàn hồi gan... - Có các phương pháp quét tối thiểu có: Convex điện tử; Linear điện tử; Sector điện tử. - Màn hình điều khiển: Màn hình LCD, cảm ứng, kích thước ≥ 10 inch - Màn hình hiển thị: <ul style="list-style-type: none"> + Màn hình kích thước ≥ 21 inch + Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ điểm ảnh - Số cổng cắm đầu dò hoạt động: ≥ 03 cổng - Dung lượng ổ cứng trong: Loại SSD, dung lượng ≥ 500 GB B-mode + Hòa âm mô M-mode + Mode dòng màu + Mode Doppler năng lượng + Mode Doppler xung + Mode Doppler liên tục - Độ sâu hiển thị ảnh ≥ 40 cm - Số kênh xử lý số hóa: $\geq 10.000.000$ kênh - Dải động hệ thống: ≥ 350 dB - Mode doppler liên tục + PRF: $\leq 2 - \geq 50$ kHz Có các chức năng đo đạc: <ul style="list-style-type: none"> + Tính toán các thông số Doppler + Đo đạc/Tính toán trong sản khoa + Đo đạc/Tính toán Phụ khoa + Các phép đo trong siêu âm mạch máu + Đo và tính toán niệu khoa + Đo đạc và tính toán trong siêu âm tim - Các thông số kết nối: <ul style="list-style-type: none"> + Chuẩn kết nối: DICOM (Kết nối được với hệ thống PACS của Bệnh viện) + Có cổng kết nối được với: USB, Kết nối mạng Ethernet (nếu có phần mềm kết nối phải cung cấp file cài đặt, phần mềm có bản quyền) - Đầu dò Convex đa tần: <ul style="list-style-type: none"> + Ứng dụng tối thiểu: ổ bụng, sản khoa, phụ khoa, niệu khoa. + Làm được siêu âm đàn hồi mô + Dải tần: Tối thiểu ≤ 1.5 MHz ; Tối đa ≥ 5 MHz + Số chấn tử: ≥ 128 + Trường nhìn tối đa: $\geq 70^\circ$ - Đầu dò Linear đa tần: <ul style="list-style-type: none"> + Ứng dụng tối thiểu: mạch máu, các bộ phận nhỏ, ổ bụng + Làm được siêu âm đàn hồi mô + Dải tần: Tối thiểu ≤ 4 MHz ; Tối đa ≥ 14 MHz + Số chấn tử: ≥ 128 + Trường nhìn tối đa: ≥ 38 mm - Đầu dò tim Sector: <ul style="list-style-type: none"> + Ứng dụng tối thiểu: tim, xuyên sọ + Dải tần: Tối thiểu ≤ 1.7 MHz ; Tối đa ≥ 5 MHz + Số chấn tử: ≥ 64 + Trường nhìn tối đa: $\geq 90^\circ$ 		

Stt	Danh mục mời chào giá	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Máy vi tính: + CPU: Là loại Core i5 trở lên + RAM: $\geq 8\text{GB}$ + Ổ cứng: SSD $\geq 512\text{ GB}$ + Bàn phím, chuột + Màn hình máy tính LCD trở lên, kích thước $\geq 21\text{ inch}$. + Phần mềm in trả kết quả siêu âm (có bản quyền) + Kết nối, gửi kết quả được qua máy vi tính thông qua mạng LAN (có sử dụng phần mềm chuyên dụng thì phải cung cấp file cài đặt có bản quyền sử dụng). + Hệ điều hành có bản quyền: Windows 11 Professional - Máy in màu: + Độ phân giải: $\geq 5760 \times 1440\text{ dpi}$ + Tốc độ in: $\geq 15\text{ trang/phút}$ + In phun màu - Máy in nhiệt đen trắng: + Độ phân giải: $\geq 300\text{ dpi}$ + Khô giấy in: $\geq 110\text{ mm}$ + In nhiệt 4. Yêu cầu khác: - Thời gian bảo hành thiết bị $\geq 12\text{ tháng}$ sau khi được nghiệm thu. 		